

Bản án số:10/2026/DS-ST
Ngày: 28 - 7 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc

Ông Phạm Thanh Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TH tham gia phiên toà:
Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2025/TLST - DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1010/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số:1017/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công Trường, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Thành – Chức vụ: Phó Giám đốc công ty, theo văn bản ủy quyền số 4260/2025/UQN-M ngày 25/8/2025 của ông Bùi Công Trường.

Người được ủy quyền lại: Bà Đào Thị Bích – Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 5463/2025/UQ-M ngày 10/10/2025)

2. Ngân hàng TMCP VNTV

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch hội đồng quản trị V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy Thịnh – Trưởng Phòng xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 01, theo văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày

28/7/2025 của ông Ngô Chí Dũng.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Mạnh – Chuyên viên xử lý nợ
(Văn bản ủy quyền số 807/2026/UQ-V ngày 020/7/2026)

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Xuân B, sinh năm 1982

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1984

Cùng địa chỉ: Thôn MT, xã MS, tỉnh TH.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lưu Thị L, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn MT, xã MS, tỉnh TH.

Tại phiên tòa có mặt đại diện Công ty cổ phần M và đại diện Ngân hàng TMCP VNTV, vắng mặt bị đơn ông Ngô Xuân B, bà Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị L, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Công ty cổ phần M và đại diện Ngân hàng TMCP VNTV trình bày: Ngân hàng TMCP VNTV và ông Ngô Xuân B và bà Phạm Thị H đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ để vay vốn tại Ngân hàng TMCP VNTV cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 10228065 ngày 18/07/2024; số tiền cho vay 3,815,000,000 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 10227545 ngày 18/07/2024; số tiền cho vay 1,314,000,000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Ông Ngô Xuân B và bà Phạm Thị H đã thế chấp các tài sản là:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85 BĐDC xã MS tờ bản đồ số 27, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137070, Số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01082 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009. Chi tiết về tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2205105734931 ngày 12/05/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1162 tờ bản đồ số 08, Đo vẽ năm 2006, địa chỉ Thôn ML, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 407541, Số vào sổ cấp GCN: CN06006 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL, TH cấp ngày 02/11/2023. Chi tiết về tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2311150886180 ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024.

Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Bà Lưu Thị L đã thế chấp tài sản là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06 Bản đồ địa chính xã MS; Tờ bản đồ số 26, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137046, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01058 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009; Ngày 07/06/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai TH – Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL đã xác nhận thừa kế và tặng cho bà Lưu Thị L. Chi tiết về tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2304178932600 ngày 12/06/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHD ngày 17/07/2024. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 26/06/2025, V đồng ý bán, Công ty cổ phần M đồng ý mua một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10228065 ngày 18/07/2024; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10227545 ngày 18/07/2024 ký giữa V với Ông Ngô Xuân B và Bà Phạm Thị H theo Hợp đồng mua bán nợ số: 11/2025/VPB-M.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ngô Xuân B và bà Phạm Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 15/01/2025.

Nay Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Ngô Xuân B và bà Phạm Thị H trả ngay cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV tổng số nợ bao gồm tiền gốc và lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 28/7/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 6.428.599.070 đồng (Tiền gốc là 5.129.550.000đ, tiền lãi trong hạn là: 41.572.407đ, tiền lãi quá hạn là 1.258.026.663 đồng). Cụ thể:

- Buộc Ông Ngô Xuân B và bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/07/2026 là: 6.107.169.117 đồng (trong đó, Nợ gốc: 4.872.550.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 39.493.787 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.195.125.330 đồng).

- Buộc Ông Ngô Xuân B và bà Phạm Thị H phải thanh toán cho V tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/07/2026 là: 321.429.953 đồng (trong đó, Nợ gốc: 256.450.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.078.620 đồng; Nợ lãi quá hạn: 62.901.333 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông B và bà H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đã vay.

Nếu Ông Ngô Xuân B và bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp

dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cụ thể:

Tài sản 1: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85 BĐĐC xã MS tờ bản đồ số 27, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137070, Sổ vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01082 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009. Chi tiết về tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2205105734931 ngày 12/05/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tài sản 2: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1162 tờ bản đồ số 08, Đo vẽ năm 2006, địa chỉ Thôn ML, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 407541, Sổ vào sổ cấp GCN: CN06006 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL, TH cấp ngày 02/11/2023. Chi tiết về tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2311150886180 ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tài sản 3: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06 Bản đồ địa chính xã MS; Tờ bản đồ số 26, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137046, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01058 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009; Ngày 07/06/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai TH – Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL đã xác nhận thừa kế và tặng cho bà Lưu Thị L. Chi tiết về tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2304178932600 ngày 12/06/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV có đơn đề nghị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV không yêu cầu ông B và bà H phải thanh toán số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử ngày 28/7/2026 số tiền là 56.098.124đ (Năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn, một trăm hai mươi tư đồng) theo đơn khởi kiện ngày 25/09/2025, đối với các yêu cầu khởi kiện khác Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV vẫn giữ nguyên.

** Tại bản tự khai, bị đơn Bà Phạm Thị H trình bày.*

Bà và chồng bà ông Ngô Xuân B có ký kết Hợp đồng tín dụng số 10228065 và hợp đồng cho vay số 10227545 ngày 18/07/2024; Tổng số tiền cho vay là 4.872.000.000đ (bốn tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu đồng)

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của khoản vay và các hợp đồng tín dụng nêu trên bà, ông B và bà Lưu Thị L (mẹ đẻ ông B) đã thế chấp ba thửa đất là:

- Thửa đất số 85 BĐĐC xã MS tờ bản đồ số 27, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử

dụng đất số AQ 137070, Sổ vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01082 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009.

- Thừa đất số 1162 tờ bản đồ số 08, Đo vẽ năm 2006, địa chỉ Thôn ML, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 407541, Sổ vào sổ cấp GCN: CN06006 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL, TH cấp ngày 02/11/2023. Chi tiết về tài sản bảo đảm theo.

- Thừa đất số 06 Bản đồ địa chính xã MS; Tờ bản đồ số 26, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137046, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01058 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009.

Quá trình vay vốn do làm ăn kinh doanh khó khăn không được thuận lợi nên vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/01/2025. Hiện nay Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV đang tiến hành khởi kiện bà và ông B tại Tòa án với số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà bà và ông B đã ký kết hiện tại chưa trả được, bà hoàn toàn thống nhất với toàn bộ số nợ mà Ngân hàng đã yêu cầu. Nếu bà và ông B không trả được số tiền nói trên thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV được quyền phát mại tài sản. Bà đề nghị được hòa giải và tìm phương án tốt nhất cho các bên.

** Tại văn bản trình bày ý kiến, bị đơn ông Ngô Xuân B trình bày. Ông và bà Phạm Thị H là vợ chồng, do cần tiền làm ăn kinh doanh nên ông và bà H đã ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng V, theo các hợp đồng như sau: Hợp đồng cho vay hạn mức số 10228065 ngày 18/07/2024; số tiền cho vay 3,815,000,000 đồng và Hợp đồng cho vay hạn mức số 10227545 ngày 18/07/2024; số tiền cho vay 1,314,000,000 đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay trên ông và bà Phạm Thị H đã thế chấp (các) tài sản là:*

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85 tờ bản đồ số 27, địa chỉ Thôn MT, xã MS, tỉnh TH theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137070, Sổ vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01082 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1162 tờ bản đồ số 08, Đo vẽ năm 2006, địa chỉ Thôn ML, xã MS, tỉnh TH. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 407541, Sổ vào sổ cấp GCN: CN06006 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL, TH cấp ngày 02/11/2023.

- Bà Lưu Thị L (mẹ của ông) đã đồng ý cho vợ chồng ông thế chấp tài sản là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 26, địa chỉ thôn MT, xã MS, tỉnh TH theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137046, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01058 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009; Ngày 07/06/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai TH – Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL đã xác nhận thừa kế và tặng cho bà Lưu Thị L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 15/01/2025.

Quá trình giải quyết vụ án, ông đã được nhận các thông báo của Tòa án và

thông báo của phía nguyên đơn, ông thống nhất toàn bộ số nợ như Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV đã kê trên. Nếu không thể trả được các khoản vay đã nêu trên, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đồng ý cho phát mại các tài sản đã thế chấp. Mọi nội dung ông thống nhất và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

** Tại văn bản trình bày ý kiến, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị L trình bày:* Chị Phạm Thị H là con dâu của bà, còn anh Ngô Xuân B là con đẻ của bà. Vì anh Ngô Xuân B và chị Phạm Thị H cần tiền làm ăn kinh doanh nên bà đã đồng ý thế chấp tài sản mang tên bà là Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 26, địa chỉ Thôn MT, xã MS, tỉnh TH theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137046, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01058 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009; Ngày 07/06/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai TH – Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL đã xác nhận thừa kế và tặng cho bà. Theo bà được biết chị H và anh B có ký các hợp đồng vay nợ với Ngân hàng TMCP VNTV. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh B và chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 15/01/2025.

Bà đã được Tòa án thông báo và biết được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong vụ án. Tuy nhiên, vì chỉ là người đứng ra thế chấp tài sản cho các con làm ăn, kinh doanh. Nên quá trình trả nợ như thế nào thì bà không biết. Bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà đồng ý thống nhất mọi nội dung trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, vì đường đi vất vả, tuổi già sức yếu nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

** Phần tranh tụng tại phiên tòa:*

Tại phiên tòa đại diện Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV đề nghị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV không yêu cầu ông B và bà H phải thanh toán số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử ngày 28/7/2026 số tiền là 56.098.124đ (Năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn, một trăm hai mươi tư đồng) theo đơn khởi kiện ngày 25/09/2025, đối với các yêu cầu khởi kiện khác Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV vẫn giữ nguyên. Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV đồng ý cùng thống nhất chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX và thư ký và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Chấp hành đúng các quy định tố tụng, không có vi phạm.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của BLTTDS; bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 74; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; các Điều 117, 280, 292, 295, 296, 298, 299, 463, 466, 468 của BLDS; Điều 100 và 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 7, 8, 10, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 08/2016/AL; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty M và Ngân hàng V. Buộc bà Phạm Thị H, ông Ngô Xuân B phải thanh toán cho Công ty M và Ngân hàng V tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là 6.428.599.070 đồng (trong đó, tiền gốc là 5.129.550.000đ, tiền lãi trong hạn là: 41.572.407đ, tiền lãi quá hạn là 1.258.026.663đ). Cụ thể:

+ Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử (28/7/2026) là: 6.107.169.117 đồng (trong đó, Nợ gốc: 4.872.550.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 39.493.787 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.195.125.330 đồng).

+ Trả cho Ngân hàng TMCP VNTV tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử (28/7/2026) là 321.429.953 đồng (trong đó, Nợ gốc: 256.450.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.078.620 đồng; Nợ lãi quá hạn: 62.901.333 đồng).

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV đối với số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử ngày 28/7/2026 là 56.098.124đ (Năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn, một trăm hai mươi tư đồng) theo đơn khởi kiện ngày 25/09/2025.

Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV và bà Phạm Thị H, ông Ngô Xuân B là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Phạm Thị H, ông Ngô Xuân B và bà Lưu Thị L vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng những người nói trên và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho người vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ bà Phạm Thị H, ông Ngô Xuân B và bà Lưu Thị L đến để tham gia phiên toà nhưng bà H, ông B và bà L đều có đơn xin xét xử

vắng mặt, do đó căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà H, ông B và bà L.

[2]. Xét về hợp đồng mua bán nợ giữa Ngân hàng V và Công ty M:

Theo Hợp đồng mua bán nợ số: 11/2025/V-M ngày 26/6/2025 được ký kết giữa Ngân hàng V và Công ty M. Hai bên thoả thuận bên mua nợ (M) đề nghị bên bán nợ (V) đồng ý bán cho bên mua nợ một phần khoản nợ (bao gồm cả gốc, lãi, lãi phạt và phí chưa thanh toán) và các quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ này (bao gồm tài sản bảo đảm, biện pháp bảo lãnh... Khoản nợ mua bán được xác định bằng 95% của nợ gốc, nợ lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền phạt vi phạm, bồi thương thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

Phần của khoản nợ chưa bán được xác định là toàn bộ tiền lãi trong hạn và 5% của nợ gốc và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo văn kiện tín dụng vẫn thuộc sở hữu của bên bán nợ và không được chuyển giao cho bên mua nợ.

Các bên thống nhất bổ sung bên mua nợ trở thành bên nhận bảo đảm cùng bên bán nợ với các tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm của khoản nợ mua bán. Theo đó bên mua nợ cũng được hưởng các quyền và lợi ích gắn liền với các tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm của khoản nợ mua bán như bên bán nợ.

Như vậy, việc ký kết HĐ mua bán nợ ngày 26/6/2025 giữa V và là sự thoả thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Xét về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về số tiền gốc:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10228065 ngày 18/07/2024 và khế ước nhận nợ ngày 18/7/2024. Nội dung các điều khoản trong HĐ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bên được Nhà nước cấp phép. Sau khi ký kết HĐ cho vay, bà H và ông B vay của Ngân hàng số tiền 3.815.000đ tiền gốc, để bổ sung vốn kinh doanh của hàng tạp hóa, thời hạn cho vay là 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10227545 ngày 18/07/2024 và khế ước nhận nợ ngày 18/7/2024 Nội dung các điều khoản trong HĐ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bên được Nhà nước cấp phép. Sau khi ký kết HĐ cho vay, bà H và ông B vay của Ngân hàng số tiền là 1,314,000,000 đồng. để bổ sung vốn kinh doanh của hàng tạp hóa, thời hạn cho vay là 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay.

Quá trình thực hiện các hợp đồng cho vay, bà H và ông B mới trả được một phần khoản nợ gốc/lãi cho Ngân hàng, kể từ ngày 15/01/2025 bà H, ông B không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy là bà H và ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Hợp đồng cho vay nên việc Ngân hàng đã chuyển số dư nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được sang nợ quá hạn là đúng với quy định. Sau khi chuyển sang dư nợ quá hạn Ngân hàng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ nhưng bà H và ông B không thanh toán thêm được số tiền nào nên việc Công ty M và Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà H, ông B phải trả tổng số tiền gốc, lãi còn nợ tính đến ngày 28/7/2026 (ngày xét xử) là 6.428.599.070 đồng (trong đó, Tiền gốc là 5.129.550.000đ, tiền lãi trong hạn là: 41.572.407đ, tiền lãi quá hạn là

1.258.026.663 đồng) là có căn cứ theo quy định tại các Điều 117, 463 466, 468 BLDS và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng nên được chấp nhận là phù hợp.

[3.2]. Về lãi suất: Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Căn cứ vào các hợp đồng cho vay số 10228065 ngày 18/07/2024 và số 10227545 ngày 18/07/2024 và khế ước nhận nợ ngày 18/7/2025 thể hiện lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 6,49%/năm, lãi suất cho vay trong hạn cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về thời hạn trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/5/2024. Tuy nhiên, quá trình thực hiện HĐ bà H, ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 18/7/2025 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất nợ quá hạn.

Như vậy, việc yêu cầu lãi suất của nguyên đơn dựa trên sự thỏa thuận của các bên khi ký kết HĐ cho vay và khế ước nhận nợ, phù hợp với các quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và các Điều 7, 8, 10, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì bà H, ông B không thực hiện theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi của bên vay. Do đó, Công ty M và Ngân hàng V yêu cầu bà H, ông B phải thanh toán khoản tiền lãi tính đến ngày 28/7/2026 (ngày xét xử) gồm lãi trong hạn là: 41.572.407đồng và tiền lãi quá hạn là 1.258.026.663 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3.3]. Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M và Ngân hàng V. Buộc bà Phạm Thị H và ông Ngô Xuân B phải trả cho Công ty M và Ngân hàng V tính đến ngày 28/7/2026, cụ thể:

- Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền là: 6.107.169.117đ (*Sáu tỷ một trăm lẻ bảy triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm mười bảy đồng*); Trong đó, nợ gốc là 4.872.550.000đ; lãi suất trong hạn là 39.493.787đ và lãi suất quá hạn là 1.195.125.330đ.

- Trả cho Ngân hàng TMCP VNTV tổng số tiền là 321.429.953đ (*Ba trăm hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn chín trăm năm mươi ba đồng*). Trong đó, nợ gốc là 256.450.000đ; lãi suất trong hạn là 2.078.620đ và lãi suất quá hạn là 62.901.333đ.

[3.4]. Về tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp số: LN2205105734931 ngày 12/05/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024. Hợp đồng thế chấp số: LN2311150886180 ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024. Hợp đồng thế chấp số LN2304178932600 ngày 12/06/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024 đối với các tài sản:

- Thửa đất số 85 BĐĐC xã MS tờ bản đồ số 27, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137070, Sổ vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01082 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009.

- Thừa đất số 1162 tờ bản đồ số 08, Đo vẽ năm 2006, địa chỉ Thôn ML, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 407541, Sổ vào sổ cấp GCN: CN06006 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL, TH cấp ngày 02/11/2023. Chi tiết về tài sản bảo đảm theo.

- Thừa đất số 06 Bản đồ địa chính xã MS; Tờ bản đồ số 26, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137046, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01058 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009.

(Ngày 15/4/2026 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp mà ông B, bà H và bà L cho thế chấp để đảm bảo các khoản vay nói trên. Kết quả thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp nêu trên đều đảm bảo về vị trí, diện tích đất trên thực tế cơ bản đảm bảo như hồ sơ thẩm định, định giá của Ngân hàng đã giao nộp kèm theo đơn khởi kiện).

Việc thế chấp tài sản của ông B, bà H và bà L là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng các bên không có tranh chấp, hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Do bên thế chấp tài sản vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo quy định tại Điều 299 BLDS bên nhận thế chấp có quyền xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông B, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì Công ty M và Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ số 08/2016/AL. Vì vậy, cần áp dụng án lệ số 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến sẽ chịu toàn bộ chi phí này, không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là bà Phạm Thị H và ông Ngô Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 74; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản

1 Điều 273 BLTTDS; các Điều 117, 280, 292, 295, 296, 298, 299, 463, 466, 468 của BLDS; Điều 100 và 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 7, 8, 10, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 08/2016/AL; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV.

Buộc bà Phạm Thị H và ông Ngô Xuân B có trách nhiệm thanh toán (trả nợ) cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV, tính đến ngày xét xử (28/7/2026): Tiền gốc là 5.129.550.000đ, tiền lãi trong hạn là: 41.572.407đ, tiền lãi quá hạn là 1.258.026.663đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 6.428.599.070đ (*Sáu tỷ bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm chín mươi chín nghìn không trăm bảy mươi đồng*); Cụ thể:

- Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày xét xử (28/7/2026) là: 6.107.169.117đ (*Sáu tỷ một trăm lẻ bảy triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm mười bảy đồng*); Trong đó, nợ gốc là 4.872.550.000đ; lãi suất trong hạn là 39.493.787đ và lãi suất quá hạn là 1.195.125.330đ.

- Trả cho Ngân hàng TMCP VNTV tổng số tiền tính đến ngày xét xử (28/7/2026) là 321.429.953đ (*Ba trăm hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn chín trăm năm mươi ba đồng*). Trong đó, nợ gốc là 256.450.000đ; lãi suất trong hạn là 2.078.620đ và lãi suất quá hạn là 62.901.333đ.

Kể từ ngày 29/7/2026, bà Phạm Thị H và ông Ngô Xuân B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà H, ông B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Trong đó Ngân hàng TMCP VNTV có quyền đối với 5% và Công ty cổ phần M có quyền đối với 95% theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán nợ số 11/2025/VPB-M ngày 26/6/2025 được ký kết giữa Ngân hàng V và Công ty M.

2. Xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bà Phạm Thị H và ông Ngô Xuân B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án là:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85 BĐĐC xã MS tờ bản đồ số 27, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137070, Sổ vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01082 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009, theo Hợp đồng thế chấp số LN2205105734931 ngày 12/05/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1162 tờ bản đồ số 08, Đo vẽ năm 2006, địa chỉ Thôn ML, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN 407541, Sổ vào sổ cấp GCN: CN06006 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL, TH cấp ngày 02/11/2023, theo Hợp đồng thế chấp số LN2311150886180 ngày 22/11/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06 Bản đồ địa chính xã MS; Tờ bản đồ số 26, địa chỉ Thôn MT, Xã MS, Huyện NL, Tỉnh TH (Nay là Xã MS, Tỉnh TH) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 137046, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01058 do Ủy Ban nhân dân Huyện NL, Tỉnh TH cấp ngày 30/10/2009; Ngày 07/06/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai TH – Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Huyện NL đã xác nhận thừa kế và tặng cho bà Lưu Thị L, theo Hợp đồng thế chấp số LN2304178932600 ngày 12/06/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/07/2024.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, bên nguyên đơn M và V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà Phạm Thị H và ông Ngô Xuân B để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty M và V cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị H và ông Ngô Xuân B phải chịu 114.428.599đ (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm chín mươi chín đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.857.951đ (*Sáu mươi ba triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi một đồng*); Trong đó: Công ty cổ phần M số tiền là 56.714.508đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/25E, số: 0003063 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự, tỉnh TH. Ngân hàng TMCP VNTV số tiền là 7.143.443đ, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/25E, số: 0003062 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh TH.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 10 - TH;
- TAND tỉnh TH;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh TH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc

Phạm Thanh Hùng

Phạm Xuân Thành

